

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HC-ST

Ngày: 27-6-2022

*V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý nhà
nước về đất đai (hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất)”.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Bà Hoàng Thị Biên
2. Bà Hoàng Thị Khiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thùy Dung- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2021/TLST-HC ngày 01-12-2021, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai (hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-HC ngày 14-6-2022 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Tô Văn T, sinh năm 1971; bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn 7, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Tố N, sinh năm 1978

Địa chỉ: 73/05 L, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (*theo văn bản ủy quyền lập ngày 08-11-2021*); có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ: Số 9 N, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc N, chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung T, chức vụ: Phó chủ tịch (*theo văn bản ủy quyền số 3786/GUQ ngày 16-12-2021*); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Văn C, sinh năm 1970

Địa chỉ: 288/KM, xã T, huyện B, tỉnh B; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; bà Trần Thị T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn 8A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Ông Lưu Bá T, sinh năm 1972; bà Trần Thị Thúy M, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 08-11-2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21-4-2022, bản tự khai người khởi kiện ông Tô Văn T, bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu N 559523 do UBND huyện B cấp ngày 07-6-1999 cho hộ ông Võ Văn C, thửa đất số 126, diện tích 2.280 m², tờ bản đồ số 5 (bản đồ cũ), xã L, huyện B; ngày 04-10-2016 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B đăng ký biến động chuyển nhượng tại trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Tô Văn T, bà Nguyễn Thị C.

Theo kết quả trích lục đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B ngày 25-02-2022 thì phần diện tích vợ chồng ông T, bà C đang quản lý sử dụng là thửa đất số 119, diện tích 3.483,1 m², tờ bản đồ số 59 (bản đồ mới) xã L; thuộc 1 phần thửa 144 tờ bản đồ 06 (bản đồ cũ), xã L đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 211493 cho ông Lưu Bá T, diện tích cấp sổ là 10.130 m², sau đó ông T, bà M chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T vào năm 2017; còn thửa đất số 126 thì do ông Lưu Bá T quản lý sử dụng. Như vậy, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cấp không đúng đối tượng và hiện trạng sử dụng đất.

Do vậy, vợ chồng ông Tô Văn T, bà Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 559523 do UBND huyện B cấp ngày 07-6-1999 cho hộ ông Võ Văn C, thửa đất số 126, diện tích 2.280 m², tờ bản đồ số 5 (bản đồ cũ), xã L, nay đã đăng ký biến động tại trang 4 cho vợ chồng ông Tô Văn T, bà Nguyễn Thị C và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 211493 do UBND huyện B cấp ngày 27-10-2000 cho hộ ông Lưu Bá T, thửa đất số 144, diện tích 10.130 m², tờ bản đồ số 6 (bản đồ cũ), xã L, nay đã đăng ký biến động tại trang 4 cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T.

** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện B trình bày:*

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu N 559523 do UBND huyện B cấp ngày 07-6-1999 cho hộ ông Võ Văn C, thửa đất số 126, diện tích 2.280 m², tờ bản đồ số 5 (bản đồ cũ), xã L, huyện B. Sau khi vợ ông C là bà Lê Thị D chết thì ông C làm thủ tục nhận thừa kế thừa đất theo quy định của pháp luật và chuyển cho ông Tô Văn T, bà Nguyễn Thị C. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B đã đăng ký biến động sang tên tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

cho ông Tô Văn T và bà Nguyễn Thị C theo hợp đồng chuyển nhượng QSD đất đã được UBND xã L chứng thực số 167/Q02/2015 ngày 06-09-2016.

Đối với hộ ông Lưu Bá T có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 144, tờ bản đồ số 06 (bản đồ cũ), xã L. UBND xã L có tờ trình số 24/TT-ĐC ngày 24-10-2000, về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình, cá nhân trực tiếp sử dụng đất tại xã L. Sau khi xem xét UBND huyện B ban hành Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 447/QĐ-UB ngày 27-10-2000 cho hộ ông Lưu Bá T đối với thửa đất số 144, tờ bản đồ 06 (bản đồ cũ), xã L, diện tích cấp sổ là 10.130 m². Sau đó hộ ông Lưu Bá T chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T, đã được chứng thực theo số 6140/Q04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03-05-2017 của Văn phòng Công chứng N. Việc UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 211493 ngày 27-10-2000 cho hộ ông Lưu Bá T, thửa đất số 144, tờ bản đồ 06 (bản đồ cũ), xã L, đã chỉnh lý biến động tại trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T là thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà C thì người bị kiện đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn C không trình bày ý kiến.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Lưu Bá T, bà Trần Thị Thúy M trình bày:*

Năm 2018, Vợ chồng ông có bán thửa đất có giấy CNQSDĐ số R211493 số 144 tờ bản đồ 06 do UBND huyện B cấp ngày 27/10/2000 cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T. Khi ông bà được cấp GCNQSDĐ trên cho đến khi chuyển nhượng cho ông T, bà T, không có tranh chấp với bất kỳ ai. Phần diện tích đất này không liên quan đến phần đất mà ông T, bà C đang sử dụng. Hai diện tích cách xa nhau, không xảy ra tranh chấp với nhau. Với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà C đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T trình bày:*

Năm 2018, vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ ông Lưu Bá T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 211493 do UBND huyện B cấp ngày 27-10-2000, thửa đất số 144, tờ bản đồ 06 (bản đồ cũ), xã L. Với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà C thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo thủ tục chung; không tổ chức đối thoại được.

Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu, trình bày của mình như trên.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bổ sung ý kiến yêu cầu Tòa án xem xét Quyết định số 447/QĐ-UB ngày 27-10-2000 của UBND huyện B là quyết định hành chính có liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng hành chính từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 193 của Luật tố tụng hành chính; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Tại bản tự khai ngày 07-5-2022, ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T trình bày giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 211493 ông bà đang thế chấp tại Quỹ tín dụng nhân dân phường B - Phòng giao dịch L để vay vốn. Tuy nhiên, tại công văn số 01/CV-TD ngày 12-5-2022 của Quỹ tín dụng nhân dân phường B - Phòng giao dịch L thể hiện ông Thiệu, bà Thoang đã tất toán khoản vay liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Do đó, không cần thiết đưa Quỹ tín dụng nhân dân phường B - Phòng giao dịch L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[2] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại Văn bản số 152/PTNMT ngày 08-3-2021 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện B, về việc trả lời đơn đề nghị thu hồi đất tại xã L (BL 55) có nội dung thể hiện người khởi kiện ông Tô Văn T, bà Nguyễn Thị C không sử dụng thửa đất số 126, tờ bản đồ số 5 (bản đồ cũ), xã L như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp. Thực tế ông bà đang sử dụng thửa đất số 119, tờ bản đồ 69 (bản đồ mới), xã L; thuộc một phần thửa 144, tờ bản đồ 06 (bản đồ cũ) xã L.

Do vậy, ngày 08-11-2021 ông bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 559523 do UBND huyện B cấp ngày 07-6-1999 cho hộ ông Võ Văn C, thửa đất số 126, diện tích 2.280 m², tờ bản đồ số 5 (bản đồ cũ), xã L, nay đã đăng ký biến động tại trang 4 cho vợ chồng ông Tô Văn T, bà Nguyễn Thị C và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 211493 do UBND huyện B cấp ngày 27-10-2000 cho hộ ông Lưu Bá T, thửa 144, diện tích 10.130 m², tờ bản đồ 06 (bản đồ cũ) xã L, nay đã đăng ký biến động tại trang 4 cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T.

Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116 của Luật tổ tụng Hành chính; xác định đối tượng khởi kiện là “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai (hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng và còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, ý kiến của người bị kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đối chiếu với các tài liệu chứng cứ đã thu thập, thể hiện:

[3.1] Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, hiện trạng sử dụng đất, trích lục họa đồ đo đạc (BL 109-112), thể hiện toàn bộ diện tích đất ông T, bà C sử dụng đã trồng khoảng hơn 300 cây cà phê, 40 cây bơ. Ngoài ra không có tài sản nào khác. Về tứ cận thửa đất cụ thể như sau: phía Nam giáp đất ông T, ông S, phía Bắc giáp đất ông P, phía Tây giáp vườn cà phê ông T, phía Đông giáp đất của ông H. Ranh giới sử dụng đất giữa các hộ liền kề rõ ràng, không có xảy ra tranh chấp với nhau. Diện tích đất ông T, bà C đang sử dụng cách diện tích đất thửa 126, tờ bản đồ số 5 (bản đồ cũ), xã L khoảng 2 quả đồi, và cũng cách xa phần diện tích đất của ông T, bà T đang sử dụng. Kết quả đo đạc; xem xét, thẩm định tại chỗ phù hợp với lời khai của người khởi kiện; người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3.2] Tại công văn số 152/PTNMT ngày 08-3-2021 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện B (BL 55), v/v trả lời đơn đề nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã L thể hiện: theo hồ sơ do UBND xã thiết lập thì thực tế ông Tô Văn T, bà Nguyễn Thị C đang sử dụng thửa 119, diện tích 3.483,1 m², tờ bản đồ số 59 (bản đồ mới), xã L. Thửa đất số 126, diện tích 2.280 m², tờ bản đồ số 05 (bản đồ cũ), xã L, ông T, bà C không quản lý sử dụng mà do ông Lưu Bá T sử dụng.

Qua kiểm tra, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai xác định (BL 116) diện tích đất ông T, bà C đang sử dụng thuộc nguyên thửa 119 tờ bản đồ số 59 (bản đồ mới), xã L; thuộc 1 phần thửa 144 tờ bản đồ số 06 (bản đồ cũ), xã L, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Lưu Bá T, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T.

Tại bản tự khai của ông T (BL 149) trình bày hiện tại diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vợ chồng ông bà đang sử dụng không có tranh chấp với bất kỳ ai. Phần diện tích đất vợ chồng ông bà đang sử dụng không liên quan đến diện tích đất mà ông T, bà C đang sử dụng vì hai diện tích cách xa nhau.

Như vậy, phần diện tích đất mà ông T, bà C đang sử dụng thực tế là thửa 119 tờ bản đồ số 59 (bản đồ mới); thuộc 1 phần thửa 144, tờ bản đồ số 06 (bản đồ cũ), xã L chứ không phải là thửa 126, tờ bản đồ số 05 (bản đồ cũ), xã L như trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 559523 do UBND huyện B cấp ngày 07-6-1999 cho hộ ông Võ Văn C, nay đã đăng ký biến động tại trang 4 cho vợ chồng ông Tô Văn T, bà Nguyễn Thị C.

Đồng thời, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 211493 do UBND huyện B cấp ngày 27-10-2000 cho hộ ông Lưu Bá T, nay đã đăng ký biến động tại trang 4 cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T là cấp trùng lên một phần diện tích đất ông T, bà C đang sử dụng.

[3.3] Từ những cơ sở phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định việc UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N559523 ngày 07-6-1999 cho hộ ông Võ Văn C, thửa đất số 126, diện tích 2.280 m², tờ bản đồ số 5 (bản đồ cũ), xã L, nay đã đăng ký biến động tại trang 4 cho vợ chồng ông Tô Văn T, bà Nguyễn Thị C và Quyết định số 447/QĐ-UB ngày 27-10-2000 của UBND huyện B, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 211493 do UBND huyện B cấp ngày 27-10-2000 cho ông Lưu Bá T, thửa 144, diện tích 10.130 m², tờ bản đồ số 06 (bản đồ cũ), xã L, nay đã đăng ký biến động tại trang 4 cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T là trái quy định của pháp luật, vì cấp sai đối tượng và hiện trạng sử dụng đất.

Do vậy, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn T, bà Nguyễn Thị C. Tuyên hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng hiện trạng sử dụng theo quy định pháp luật về đất đai.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo vẽ; xem xét, thẩm định tại chỗ hết tổng số tiền 3.948.000 (*ba triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng*). Ông T, bà C tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này và đã được quyết toán xong nên phần quyết định của bản án không đề cập đến.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông T, bà C được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Người bị kiện UBND huyện B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3; Điều 30; Điều 32; Điều 116; khoản 1, 3 Điều 158; Điều 164; Điều 191; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348; Điều 206 của Luật tố tụng hành chính; khoản 2, Điều 106 Luật đất đai 2013, khoản 26 Điều 1 Nghị định 148/NĐ-CP ngày 18-12-2020 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn T, bà Nguyễn Thị C, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai*”(yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 559523 do UBND huyện B cấp ngày 07-6-1999 cho ông Võ Văn C, thửa đất số 126, diện tích 2.280 m², tờ bản đồ số 5 (bản đồ cũ), xã L, huyện B, nay đã đăng ký biến động tại trang 4 cho vợ chồng ông Tô Văn T, bà Nguyễn Thị C và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số R 211493 do UBND huyện B cấp ngày 27-10-2000 cho ông Lưu Bá T, thửa 144, diện tích 10.130 m², tờ bản đồ số 06 (bản đồ cũ), xã L, nay đã đăng ký biến động tại trang tư cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T.

Hủy một phần Quyết định số 447/QĐ-UB ngày 27-10-2000 của UBND huyện B đối với nội dung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lưu Bá T thửa 144, diện tích 10.130 m², tờ bản đồ số 06 (bản đồ cũ), xã L, huyện B.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng hiện trạng sử dụng theo quy định pháp luật về đất đai.

2. Về án phí: Buộc người bị kiện UBND huyện B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Tô Văn T, bà Nguyễn Thị C số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính đã nộp theo biên lai thu số 0008783 ngày 01-12-2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh LĐ;
- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- Người liên quan;
- UBND tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu án văn; Hồ sơ vụ án;

(để
thi
hành)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Dư Thành Trung